

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 84

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

## THÔNG TIN CHUNG

### NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp đổi từ Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0031/NH-GP đã cấp ngày 15 tháng 4 năm 1993, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301412222 ngày 17 tháng 5 năm 1993 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm:

- ▶ Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN;
- ▶ Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- ▶ Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; góp vốn, mua cổ phần; và
- ▶ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Các hoạt động chính của các công ty con bao gồm:

- ▶ Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ xấu, nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ của Ngân hàng để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất;
- ▶ Thực hiện mua bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- ▶ Các dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng, trung gian dàn xếp mua bán nợ;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tầng 1,2,3 Tòa nhà Geleximco, tại số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ngân hàng có một (1) Hội sở, ba mươi lăm (35) chi nhánh, một trăm ba mươi (130) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đào Mạnh Kháng	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Văn Tiên	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Lưu Văn Sáu	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên độc lập	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Soon Su Long	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Iris Fang	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Ông Jason Lim Tsu Yang	Thành viên	Ngày 12 tháng 6 năm 2020

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hạnh Tâm	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Hằng	Thành viên chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thái	Thành viên bán chuyên trách	Ngày 25 tháng 4 năm 2018

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Lê Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2021
Ông Đỗ Lam Điền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2020
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2019
Ông Lại Tất Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Mạnh Hùng	Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp, thành viên Ban điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2019
Ông Trần Việt Thắng	Giám đốc Khối Công nghệ Ngân hàng, thành viên Ban Điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Quang	Giám đốc khối SME, thành viên Ban Điều hành	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Diệp Anh	Giám đốc Ban Tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Quốc Việt (*)	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

(\*) Ông Phạm Thanh Tùng - Phó Giám đốc Khối Kế toán được Ông Bùi Quốc Việt ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ-KTT.21 ngày 9 tháng 8 năm 2021.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Đào Mạnh Kháng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Lê Hải - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 18/UQ-HĐQT.20 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 4 năm 2020.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

## CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng ngày 29 tháng 4 năm 2021 đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Ngân hàng trong năm 2021. Theo phương án tăng vốn, Ngân hàng dự định tăng vốn điều lệ thêm 3.696 tỷ đồng, tương ứng với số lượng cổ phần phát hành thêm là 369.638.446 cổ phần phổ thông. Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện trong hai đợt:

- ▶ Đợt 1: phát hành 114.262.271 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với nguyên tắc xác định giá phát hành tối thiểu là 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 20% so với vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020; và phát hành 11.426.227 cổ phần tương đương 2% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho cán bộ nhân viên theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với nguyên tắc xác định giá phát hành tối thiểu là 11.500 đồng/cổ phiếu;
- ▶ Đợt 2: phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (gọi tắt là chia cổ phiếu thưởng) cho cổ đông hiện hữu, nguồn sử dụng để phát hành cổ phiếu thưởng gồm 2.256 tỷ đồng được trích từ lợi nhuận chưa phân phối và 183 tỷ đồng trích từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, theo đó số cổ phiếu thưởng phát hành là 243.949.948 cổ phần phổ thông, tỷ lệ phát hành là 35% trên số cổ phần sở hữu của cổ đông sau tăng vốn đợt 1.

Ngày 8 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng đã nhận được công văn số 4963/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ. Đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục tăng vốn theo Phương án đã được phê duyệt.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lê Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 60752689/22722473-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 13 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 7 đến trang 84, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt</b>	<b>5</b>	<b>562.533</b>	<b>579.345</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>6</b>	<b>935.486</b>	<b>996.258</b>
<b>Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>		<b>24.317.421</b>	<b>28.459.280</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	20.364.523	24.886.890
Cho vay các TCTD khác	7.2	3.952.898	3.572.390
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>8</b>	<b>1.453.141</b>	<b>2.001.253</b>
Chứng khoán kinh doanh		1.453.347	2.001.459
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(206)	(206)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>117.424</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>66.143.943</b>	<b>62.588.033</b>
Cho vay khách hàng	10	67.007.706	63.293.151
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12	(863.763)	(705.118)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>11</b>	<b>152.085</b>	<b>152.085</b>
Mua nợ		153.234	153.234
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(1.149)	(1.149)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>15.087.789</b>	<b>16.685.823</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	13.123.429	15.012.610
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	2.410.334	1.970.387
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	13.5	(445.974)	(297.174)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>166.255</b>	<b>166.324</b>
Đầu tư dài hạn khác	14.1	182.884	182.978
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.2	(16.629)	(16.654)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>931.656</b>	<b>955.727</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	15.1	569.733	578.998
Nguyên giá tài sản cố định		1.157.915	1.140.762
Khấu hao tài sản cố định		(588.182)	(561.764)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	15.2	361.923	376.729
Nguyên giá tài sản cố định		624.704	624.943
Hao mòn tài sản cố định		(262.781)	(248.214)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>16</b>	<b>69.357</b>	<b>69.980</b>
Nguyên giá bất động sản đầu tư		74.030	74.030
Hao mòn bất động sản đầu tư		(4.673)	(4.050)
<b>Tài sản Có khác</b>		<b>2.887.016</b>	<b>3.712.873</b>
Các khoản phải thu	17.1	812.498	1.747.900
Các khoản lãi, phí phải thu	17.2	978.815	776.959
Tài sản Có khác	17.3	1.300.245	1.392.708
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.4	(204.542)	(204.694)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>112.824.106</b>	<b>116.366.981</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>		<b>29.413.735</b>	<b>26.502.701</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	27.983.534	22.904.484
Vay các TCTD khác	18.2	1.430.201	3.598.217
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>19</b>	<b>67.136.580</b>	<b>72.508.223</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>9</b>	-	<b>74.781</b>
<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>20</b>	<b>745.928</b>	<b>937.752</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>21</b>	<b>4.105.930</b>	<b>5.605.930</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>1.897.662</b>	<b>1.826.245</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	1.328.983	1.394.142
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.2	568.679	432.103
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>103.299.835</b>	<b>107.455.632</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn</b>		<b>5.714.108</b>	<b>5.714.108</b>
Vốn điều lệ		5.713.114	5.713.114
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		994	994
<b>Các quỹ dự trữ</b>		<b>811.570</b>	<b>811.219</b>
<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>		<b>(307.099)</b>	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>3.305.692</b>	<b>2.386.022</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>24.1</b>	<b>9.524.271</b>	<b>8.911.349</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>112.824.106</b>	<b>116.366.981</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02a/TCTD-HN

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Cam kết giao dịch hối đoái	307.966.822	153.781.044
- Cam kết mua ngoại tệ	67.167.670	20.428.496
- Cam kết bán ngoại tệ	67.143.615	20.403.616
- Cam kết giao dịch hoán đổi	173.655.537	112.948.932
Cam kết cho vay không hủy ngang	25.257	34.501
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	975.741	745.452
Bảo lãnh khác	4.105.089	4.525.446
Các cam kết khác	1.879.489	2.464.767
<b>37</b>	<b>314.952.398</b>	<b>161.551.210</b>

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh  
Trưởng phòng  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát



Ông Phạm Thanh Tùng  
Phó Giám đốc Khối Kế toán

Người phê duyệt



Ông Lê Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	3.193.942	3.352.559
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(1.765.369)	(2.264.998)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.428.573</b>	<b>1.087.561</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		252.452	156.939
Chi phí hoạt động dịch vụ		(113.337)	(89.970)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>28</b>	<b>139.115</b>	<b>66.969</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>29</b>	<b>431.158</b>	<b>234.681</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>152.070</b>	<b>4.951</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>31</b>	<b>23.093</b>	<b>250.295</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		168.427	66.138
Chi phí hoạt động khác		(24.157)	(18.185)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>32</b>	<b>144.270</b>	<b>47.953</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>-</b>	<b>260</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>2.318.279</b>	<b>1.692.670</b>
Chi phí cho nhân viên		(386.549)	(404.669)
Chi phí khấu hao		(45.604)	(45.066)
Chi phí hoạt động khác		(364.844)	(380.294)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>33</b>	<b>(796.997)</b>	<b>(830.029)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.521.282</b>	<b>862.641</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11	(329.867)	(267.729)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>1.191.415</b>	<b>594.912</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(238.471)	(123.531)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(238.471)</b>	<b>(123.531)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>952.944</b>	<b>471.381</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>25</b>	<b>1.668</b>	<b>825</b>

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh  
Trưởng phòng  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát



Ông Phạm Thanh Tùng  
Phó Giám đốc Khối Kế toán

Người phê duyệt



Ông Lê Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B04a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		3.049.241	3.451.585
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.878.195)	(2.144.900)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		139.115	66.969
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		603.509	455.903
Thu nhập khác		13.831	47.345
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	141.301	26.381
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(739.350)	(889.125)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	23	(45.977)	(163.133)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>		<b>1.283.475</b>	<b>851.025</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
Tăng các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(293.808)	(1.436.774)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		1.997.346	(327.745)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(117.424)	(63.704)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(3.714.555)	(596.357)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(27.937)	(162.065)
Giảm khác về tài sản hoạt động		1.028.224	286.085
<b>Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động</b>			
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD (Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng		2.911.034	(4.466.963)
Giảm phát hành giấy tờ có giá		(5.371.643)	329.558
Giảm phát hành giấy tờ có giá		(1.500.000)	(3.779.090)
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		(191.824)	(22.926)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(74.781)	-
Giảm khác về nợ phải trả hoạt động		(88.841)	(80.608)
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.160.734)</b>	<b>(9.469.564)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định		(46.436)	(37.755)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		924	608
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		94	260
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(45.418)</b>	<b>(36.887)</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B04a/TCTD-HN

Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	Triệu đồng	Triệu đồng

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	-
Tiền thuần trong kỳ		(4.206.152)	(9.506.451)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	34	26.370.693	22.097.527
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(307.099)	(71.902)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	34	21.857.442	12.519.174

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt





Ông Nguyễn Công Anh  
Trưởng phòng  
Kế toán tổng hợp

Ông Phạm Thanh Tùng  
Phó Giám đốc Khối Kế toán

Ông Lê Hải  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### *Thành lập và hoạt động*

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp đổi từ Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0031/NH-GP đã cấp ngày 15 tháng 4 năm 1993, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301412222 ngày 17 tháng 5 năm 1993 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm:

- ▶ Hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: huy động vốn như nhận gửi tiền không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn; vay vốn của các tổ chức tín dụng và công ty tài chính; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN;
- ▶ Hoạt động cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính khác: cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước, quốc tế và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- ▶ Hoạt động cấp tín dụng khác: phát hành thẻ tín dụng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; góp vốn, mua cổ phần; và
- ▶ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc; mua, bán công cụ chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

Các hoạt động chính của công ty con bao gồm:

- ▶ Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ xấu, nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ của Ngân hàng để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất;
- ▶ Thực hiện mua bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- ▶ Các dịch vụ ủy thác và giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng, trung gian dàn xếp mua bán nợ;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

### *Vốn điều lệ*

Số vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 5.713.114 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.713.114 triệu đồng).

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG (tiếp theo)

### *Mạng lưới hoạt động*

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở, ba mươi lăm (35) chi nhánh, một trăm ba mươi (130) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

### *Nhân viên*

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 4.284 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.291 người).

### *Công ty con*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Giấy phép đăng ký kinh doanh số</i>	<i>Lĩnh vực hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA")	Giấy phép Kinh doanh số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 1 năm 2010	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") (*)	Giấy phép Kinh doanh số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 2 năm 2013	Dịch vụ bảo vệ	100%

(\*) ABBAS được sở hữu gián tiếp bởi Ngân hàng thông qua ABBA.

## 2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Ngân hàng và các công ty con cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 2.2 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 *Tuyên bố tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 3.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất giữa niên độ cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

### 3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại các TCTD khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 *Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác*

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Theo đó, Ngân hàng và các công ty con trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các TCTD khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.6*.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các công ty con không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác.

### 4.4 *Hoạt động mua nợ*

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng và các công ty con mua khoản nợ đó, Ngân hàng và các công ty con phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng và các công ty con mua nợ.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

### 4.5 *Các khoản cho vay khách hàng*

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong *Thuyết minh 4.6*.

### 4.6 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác*

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể tại ngày 30 tháng 6 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 5. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.</li></ul>	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng và các công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Ngân hàng đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020-TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông tư 03/2021-TT-NHNN ("Thông tư 03") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020 do NHNN ban hành ngày 02 tháng 04 năm 2021 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.6 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác* (tiếp theo)

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với Khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03 theo công thức sau:  $C = A - B$

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 02 và Thông tư 09;

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 03 và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng cụ thể trích bổ sung C được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính năm đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- + Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung tại ngày 30 tháng 6 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 5 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

### 4.7 *Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam ("VAMC")*

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN "Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng kỳ cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên khoản mục "*Thu nhập khác*".

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.8 Chứng khoán kinh doanh

#### 4.8.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

#### 4.8.2 Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại thông tư 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên khoản mục "*Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh*".

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng và các công ty con ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở thực thu.

#### 4.8.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng và các công ty con đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

### 4.9 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

#### 4.9.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và các công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.9 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

#### 4.9.1 Phân loại và ghi nhận (tiếp theo)

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/ dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

#### 4.9.2 Đo lường

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá vào cuối năm tài chính.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2019 ("Thông tư 48"). Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên khoản mục "*Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng và các công ty con tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

### 4.10 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

*Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng và các công ty con. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng và các công ty con tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.10 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

*Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (tiếp theo)*

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ  $m$ ;
- $X_{m-1}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ  $m-1$ ;
- $Y$  là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- $n$  là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- $m$  là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ  $m$ ). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp  $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ( $X_{(m)}$ ) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "*Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự*".

*Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi, Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh 4.9*.

*Đo lường*

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*". Thời điểm trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.10 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Đo lường (tiếp theo)

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng và các công ty con tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

### 4.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo lãi suất hợp đồng.

### 4.12 Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được xem xét về khả năng giảm giá vào cuối năm tài chính.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố, nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	x	Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế - nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	---	---	---	---	--

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.13 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

### 4.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản, chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.16 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 - 6 năm

Đối với quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

### 4.17 Các khoản phải thu

#### 4.17.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.17 Các khoản phải thu (tiếp theo)

#### 4.17.2 Các khoản nợ phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 4.18 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### 4.19 Tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "Chi phí lãi và các chi phí tương tự" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá

### 4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.21 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh 4.6*.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các Công ty con không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.22 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

#### *Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ*

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn.

#### *Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ*

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

### 4.23 Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như cam kết hoán đổi tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như các khoản cam kết kỳ hạn tiền tệ. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.24 Vốn cổ phần

#### 4.24.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

#### 4.24.2 Thặng dư vốn cổ phần

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.24.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 4.24.4 Các quỹ và dự trữ

##### *Các quỹ dự trữ của Ngân hàng*

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

##### *Các quỹ dự trữ của các công ty con*

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của các công ty con được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.25 Ghi nhận thu nhập và chi phí

#### *Thu nhập lãi và chi phí lãi*

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và các khoản vay được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Thông tư 01 và Thông tư 03 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi Ngân hàng và các công ty con thực nhận.

#### *Phí dịch vụ và hoa hồng*

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

#### *Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

#### *Doanh thu và chi phí mua bán nợ*

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- ▶ Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
  - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong kỳ kế toán của Ngân hàng và các công ty con;
  - Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con trong kỳ.
- ▶ Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng và các công ty con.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

#### *Thu nhập khác*

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.26 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.26 Thuế (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.27 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối kỳ, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh 46*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

### 4.28 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.29 Lợi ích của nhân viên

#### 4.29.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và các công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

#### 4.29.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

#### 4.29.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

## 5. TIỀN MẶT

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bằng VND	532.001	534.318
Bằng ngoại tệ	30.532	45.027
	<b>562.533</b>	<b>579.345</b>

## 6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bằng VND	925.444	990.688
Bằng ngoại tệ	10.042	5.570
	<b>935.486</b>	<b>996.258</b>

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (tiếp theo)

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %
<i>Đối với tiền gửi của khách hàng</i>		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
<i>Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài</i>		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Mức lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05	0,05

## 7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

### 7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>1.071.688</b>	<b>5.311.239</b>
- Bằng VND	192.028	80.438
- Bằng ngoại tệ	879.660	5.230.801
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>19.292.835</b>	<b>19.575.651</b>
- Bằng VND	2.246.947	3.591.800
- Bằng ngoại tệ	17.045.888	15.983.851
	<b>20.364.523</b>	<b>24.886.890</b>

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Bằng VND	1,10 - 6,90	0,50 - 7,70
Bằng ngoại tệ	0,00 - 0,44	0,01 - 0,50

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC (tiếp theo)

### 7.2 Cho vay các TCTD khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bảng VND	3.952.898	3.572.390
Trong đó: Cho vay chiết khấu, tái chiết khấu	3.627.898	3.572.390
	<b>3.952.898</b>	<b>3.572.390</b>

Mức lãi suất năm của các khoản cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Bảng VND	1,20 - 2,00	0,20 - 0,95

### 7.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn		
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác	19.292.835	19.575.651
- Cho vay các TCTD khác	3.952.898	3.572.390
	<b>23.245.733</b>	<b>23.148.041</b>

## 8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>1.453.347</b>	<b>2.001.459</b>
Trái phiếu Chính phủ (a)	1.413.347	2.001.459
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành (b)	40.000	-
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(206)</b>	<b>(206)</b>
Dự phòng giảm giá	(206)	(206)
	<b>1.453.141</b>	<b>2.001.253</b>

(a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 5 năm đến 15 năm và lãi suất từ 1,00%/năm đến 6,20%/năm, lãi trả 1 năm/lần.

(b) Trái phiếu do tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn 36 tháng và lãi suất 9,50%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (tiếp theo)

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Đã niêm yết	1.413.347	2.001.459
Chưa niêm yết	40.000	-
	<b>1.453.347</b>	<b>2.001.459</b>

## 9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH/KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	61.049.759	27.444	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	87.025.238	89.980	-
	<b>148.074.997</b>	<b>117.424</b>	<b>-</b>
<b>Số thuần</b>			<b>117.424</b>
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	14.885.769	24.376	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	51.376.985	-	(99.157)
	<b>66.262.754</b>	<b>24.376</b>	<b>(99.157)</b>
<b>Số thuần</b>			<b>(74.781)</b>

## 10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	66.714.756	62.964.982
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	187.098	187.142
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	96.566	136.934
Các khoản trả thay khách hàng	8.903	3.575
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	383	518
	<b>67.007.706</b>	<b>63.293.151</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	64.514.010	60.931.045
Nợ cần chú ý	937.093	1.038.320
Nợ dưới tiêu chuẩn	396.514	208.448
Nợ nghi ngờ	293.918	493.346
Nợ có khả năng mất vốn	866.171	621.992
	<b>67.007.706</b>	<b>63.293.151</b>

### 10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	35.717.057	33.646.693
Nợ trung hạn	4.027.559	5.276.153
Nợ dài hạn	27.263.090	24.370.305
	<b>67.007.706</b>	<b>63.293.151</b>

### 10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
<b>Cho vay các tổ chức kinh tế</b>	<b>32.075.370</b>	<b>47,87</b>	<b>34.070.180</b>	<b>53,83</b>
Công ty cổ phần khác	15.296.458	22,83	17.372.132	27,44
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	14.432.014	21,54	14.194.134	22,43
Công ty nhà nước	1.863.592	2,78	1.930.535	3,05
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	383.957	0,57	417.460	0,66
Doanh nghiệp tư nhân	45.234	0,07	93.308	0,15
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	28.735	0,04	30.365	0,05
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	11.627	0,02	17.677	0,03
Khác	13.753	0,02	14.569	0,02
<b>Cho vay cá nhân</b>	<b>34.932.336</b>	<b>52,13</b>	<b>29.222.971</b>	<b>46,17</b>
	<b>67.007.706</b>	<b>100,00</b>	<b>63.293.151</b>	<b>100,00</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo tiền tệ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bảng VND	64.470.223	61.128.709
Bảng ngoại tệ	2.537.483	2.164.442
	<b>67.007.706</b>	<b>63.293.151</b>

Mức lãi suất năm của các khoản cho vay khách hàng vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Bảng VND	0,00 - 31,49	0,00 - 31,49
Bảng ngoại tệ	2,10 - 5,50	2,10 - 8,00

### 10.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	26.858.197	40,08	20.407.838	32,24
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.548.460	12,76	9.889.335	15,62
Xây dựng	7.990.159	11,92	8.451.744	13,35
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.462.852	6,66	4.679.662	7,39
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	4.218.262	6,30	4.263.982	6,74
Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.694.270	4,02	3.104.656	4,91
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.073.841	3,09	1.440.162	2,28
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.940.096	2,90	2.930.688	4,63
Vận tải kho bãi	1.432.657	2,14	1.542.503	2,44
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	857.414	1,28	916.874	1,45
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	277.408	0,41	285.505	0,45
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	243.271	0,36	256.592	0,41
Thông tin và truyền thông	223.379	0,33	261.128	0,41
Giáo dục và đào tạo	182.882	0,27	206.495	0,33
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	182.135	0,27	193.982	0,31
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	112.321	0,17	128.872	0,20
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	96.698	0,14	98.367	0,16
Khai khoáng	67.332	0,10	72.386	0,11
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	46.083	0,07	51.214	0,08
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	15.615	0,02	4.334	0,01
Hoạt động dịch vụ khác	4.484.374	6,71	4.106.832	6,48
	<b>67.007.706</b>	<b>100,00</b>	<b>63.293.151</b>	<b>100,00</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Mua nợ bằng VND	153.234	153.234
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(1.149)	(1.149)
	<b>152.085</b>	<b>152.085</b>

Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Nợ gốc đã mua	153.234	153.234
Lãi của khoản nợ đã mua	562	570
	<b>153.796</b>	<b>153.804</b>

Kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 5 năm 2021 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng cần phải trích lập theo quy định và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

<i>Phân loại</i>	<i>Dự nợ cho vay Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng Triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	153.234	-	1.149	1.149

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong kỳ này như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	1.149	1.149
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-	-
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>-</b>	<b>1.149</b>	<b>1.149</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong kỳ trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	-	1.478	1.478
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(329)	(329)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>-</b>	<b>1.149</b>	<b>1.149</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối kỳ bao gồm:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	11	1.149	1.149
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12.1	863.763	705.118
Dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng		1.006	1.158
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	13.2	421.780	278.343
		<b>1.287.698</b>	<b>985.768</b>

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ bao gồm:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
Số hoàn nhập dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	11	-	(329)
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12.1	182.863	174.511
Số hoàn nhập dự phòng rủi ro tài sản có rủi ro tín dụng	17.4	(152)	(153)
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	13.5	147.156	93.700
		<b>329.867</b>	<b>267.729</b>

### 12.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 5 năm 2021 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay cần phải trích lập theo quy định và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

<i>Phân loại</i>	<i>Dư nợ cho vay Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng Triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	62.447.196	-	468.354	468.354
Nợ cần chú ý	1.052.668	14.095	7.895	21.990
Nợ dưới tiêu chuẩn	353.232	22.048	2.649	24.697
Nợ nghi ngờ	531.165	109.255	3.984	113.239
Nợ có khả năng mất vốn	895.738	247.825	-	247.825
	<b>65.279.999</b>	<b>393.223</b>	<b>482.882</b>	<b>876.105</b>

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

#### 12.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong kì này như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	<b>246.906</b>	<b>458.212</b>	<b>705.118</b>
Số trích lập dự phòng rủi ro	158.710	24.670	183.380
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	(12.393)	-	(12.393)
<b>Ngày 31 tháng 5 năm 2021</b>	<b>393.223</b>	<b>482.882</b>	<b>876.105</b>
Số hoàn nhập dự phòng rủi ro	(517)	-	(517)
Tăng dự phòng do thanh lý trái phiếu VAMC	8.520	-	8.520
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	(20.345)	-	(20.345)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>380.881</b>	<b>482.882</b>	<b>863.763</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong kỳ trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>324.608</b>	<b>408.246</b>	<b>732.854</b>
Số trích lập dự phòng rủi ro	121.230	5.417	126.647
Tăng dự phòng do mua lại nợ từ VAMC	6.157	-	6.157
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	(857)	-	(857)
<b>Ngày 31 tháng 5 năm 2020</b>	<b>451.138</b>	<b>413.663</b>	<b>864.801</b>
Số trích lập dự phòng rủi ro	52.318	(4.454)	47.864
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	(161.208)	-	(161.208)
Giảm dự phòng do bán nợ VAMC	(64.567)	-	(64.567)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>277.681</b>	<b>409.209</b>	<b>686.890</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

### 13.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>13.112.129</b>	<b>15.001.310</b>
Trái phiếu Chính phủ (a)	1.626.632	2.314.947
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	5.614.510	7.048.398
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế khác trong nước phát hành (c)	5.870.987	5.637.965
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>11.300</b>	<b>11.300</b>
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	11.300	11.300
	<b>13.123.429</b>	<b>15.012.610</b>
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán</b>		
Dự phòng giảm giá	(2.749)	(3.246)
Dự phòng chung	(19.682)	(13.822)
	<b>(22.431)</b>	<b>(17.068)</b>

(a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 10 năm đến 20 năm và lãi suất từ 2,50%/năm đến 3,30%/năm, lãi trả 1 năm/lần.

(b) Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm với lãi suất từ 3,70%/năm đến 9,40%/năm, lãi trả hàng năm.

(c) Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 2,5 năm đến 10 năm, lãi được trả định kỳ 3 tháng/lần, 6 tháng/lần, hoặc 1 năm/lần. Lãi suất hiện tại của các trái phiếu là từ 9,18%/năm đến 12,00%/năm và thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, hoặc 6 tháng/lần tùy theo loại trái phiếu. Trái phiếu của một số tổ chức kinh tế có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, dự án bất động sản, cổ phiếu.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>13.112.129</b>	<b>15.001.310</b>
Đã niêm yết	6.541.141	9.363.592
Chưa niêm yết	6.570.988	5.637.718
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>11.300</b>	<b>11.300</b>
Chưa niêm yết	11.300	11.300
	<b>13.123.429</b>	<b>15.012.610</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

### 13.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh (a)	50.000	50.000
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (b)	1.452.213	1.512.094
Trái phiếu Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (c)	23.121	23.293
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (d)	885.000	385.000
	<b>2.410.334</b>	<b>1.970.387</b>
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Dự phòng chung	(1.763)	(1.763)
Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC	(421.780)	(278.343)
	<b>(423.543)</b>	<b>(280.106)</b>

(a) Đây là trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Chính phủ bảo lãnh phát hành có thời hạn 15 năm với lãi suất 8,40%/năm, lãi được thanh toán định kỳ 1 năm/lần.

(b) Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

(c) Đây là các trái phiếu do Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn 15 năm với lãi suất 8,80%/năm, tiền lãi được thanh toán định kỳ 1 năm/lần.

(d) Đây là các trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm và lãi suất từ 8,28%/năm đến 9,50%/năm, tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần hoặc vào ngày đáo hạn trái phiếu.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Đã niêm yết	73.121	73.293
Chưa niêm yết	885.000	385.000
	<b>958.121</b>	<b>458.293</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

### 13.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	1.452.213	1.512.094
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(421.780)	(278.343)
	<b>1.030.433</b>	<b>1.233.751</b>

Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Số đầu kỳ	1.512.094	1.088.899
Tăng trong kỳ	-	825.497
Tắt toán trong kỳ	(59.881)	(402.302)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.452.213</b>	<b>1.512.094</b>

### 13.4 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ do tổ chức trong nước phát hành</b>		
Nợ đủ tiêu chuẩn	<b>7.455.987</b>	<b>7.922.965</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

### 13.5 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>Số đầu kỳ</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	17.068	41.175
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	1.763	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	278.343	364.146
	<b>297.174</b>	<b>405.321</b>
<b>Sử dụng dự phòng tất toán trái phiếu VAMC</b>	(3.719)	(7.105)
<b>Số trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.363	(6.738)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-	1.763
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	147.156	93.700
<b>Số cuối kỳ</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	22.431	34.437
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	1.763	1.763
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	421.780	450.741
	<b>445.974</b>	<b>486.941</b>

## 14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Đầu tư dài hạn khác	182.884	182.978
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(16.629)	(16.654)
	<b>166.255</b>	<b>166.324</b>

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu %	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	131.500	124.093	4,96%	131.600	124.187	4,97%
Công ty Cổ phần EVN - Quốc tế	37.800	37.800	10,31%	37.800	37.800	10,31%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	17.225	15.057	5,17%	17.225	15.057	5,17%
Công ty Cổ phần Thông tin Tin dụng Việt Nam	3.934	3.934	3,28%	3.934	3.934	3,28%
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2.600	2.000	0,83%	2.600	2.000	0,83%
	<b>193.059</b>	<b>182.884</b>		<b>193.159</b>	<b>182.978</b>	

#### 14.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
Số đầu kỳ	16.654	-
Số hoàn nhập trong kỳ	(25)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.629</b>	<b>-</b>



## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

#### 15.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	492.896	433.818	187.374	21.288	5.386	1.140.762
Mua trong kỳ	-	16.056	1.333	1.501	2.259	21.149
Thanh lý, nhượng bán	-	(35)	(3.745)	(216)	-	(3.996)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<b>492.896</b>	<b>449.839</b>	<b>184.962</b>	<b>22.573</b>	<b>7.645</b>	<b>1.157.915</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	98.801	316.252	127.671	14.926	4.114	561.764
Khấu hao trong kỳ	5.157	17.856	5.386	1.551	464	30.414
Thanh lý, nhượng bán	-	(35)	(3.745)	(216)	-	(3.996)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<b>103.958</b>	<b>334.073</b>	<b>129.312</b>	<b>16.261</b>	<b>4.578</b>	<b>588.182</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	394.095	117.566	59.703	6.362	1.272	578.998
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	388.938	115.766	55.650	6.312	3.067	569.733

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 248.427 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 247.028 triệu đồng).

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

#### 15.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	230.480	393.585	878	624.943
Mua trong kỳ	-	1.781	-	1.781
Thanh lý, nhượng bán	(2.020)	-	-	(2.020)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	228.460	395.366	878	624.704
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.589	243.747	878	248.214
Khấu hao trong kỳ	240	14.327	-	14.567
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.829	258.074	878	262.781
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	226.891	149.838	-	376.729
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	224.631	137.292	-	361.923

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 231.624 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 168.435 triệu đồng).

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất không có thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và nhà ở gắn liền trên đất mà Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP An Bình sở hữu từ việc bán đấu giá tài sản gắn xiết nợ. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không thể xác định một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 do thông tin không có sẵn tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Nhà cửa và quyền sử dụng đất có thời hạn VND</i>	<i>Quyền sử dụng đất không thời hạn VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ và cuối kỳ	58.066	15.964	74.030
<b>Khấu hao và hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.050	-	4.050
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	623	-	623
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	4.673	-	4.673
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	54.016	15.964	69.980
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	53.393	15.964	69.357

## 17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

### 17.1 Các khoản phải thu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
Phải thu từ nghiệp vụ bán nợ (i)	183.047	1.168.367
Phải thu giao dịch thẻ	127.726	125.504
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	117.887	69.453
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố	82.421	77.886
Tài sản thiếu chờ xử lý (ii)	74.285	74.299
Tạm ứng mua sắm tài sản (iii)	73.973	50.467
Tạm ứng chi phí hoạt động cho đối tác	57.440	52.287
Phải thu bán chứng khoán (iv)	35.855	35.855
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Bình (v)	13.245	13.245
Phải thu tiền đặt cọc quyền mua cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Viễn Đông (DVD) (vi)	5.225	5.225
Phải thu nghiệp vụ liên quan LC UPAS	4.892	46.313
Phải thu liên quan đến góp vốn đầu tư - EVN Tây Nguyên	3.333	3.333
Các khoản phải thu khác	33.169	25.666
	<b>812.498</b>	<b>1.747.900</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

### 17.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

- (i) Đây là số dư khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 liên quan đến hoạt động bán các khoản nợ được phân loại nhóm 1 tại thời điểm bán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Hoàng Cầu và Công ty Cổ phần TBIC. Khoản phải thu từ bán nợ này được thanh toán từng lần theo thỏa thuận hợp đồng.
- (ii) Vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, Ngân hàng đã thực hiện kiểm kê tiền mặt tại một chi nhánh và phát hiện thiếu quỹ số tiền 67.369 triệu đồng và 299.996 USD (tương đương 6.905 triệu đồng theo tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021). Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021, vụ việc vẫn đang được cơ quan công an tiến hành điều tra và chưa có kết luận cuối cùng. Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng theo quy định của Thông tư 48.
- (iii) Bao gồm trong số dư tạm ứng mua sắm tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 48.000 triệu đồng tiền đặt cọc của ABBA cho Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Hiếu để mua bất động sản. Tuy nhiên, thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản sang cho ABBA vẫn chưa hoàn tất. Trong năm 2016, ABBA đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Thị xã Giá Rai để thu hồi khoản tiền đặt cọc hoặc đề nghị hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tài sản. Đến thời điểm lập báo cáo này, vụ án vẫn chưa được tiến hành xét xử. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này theo quy định của Thông tư 48.
- (iv) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội ("Geleximco"), một cổ đông, liên quan đến hợp đồng bán chứng khoán. Ngân hàng đã lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.
- (v) Đây là khoản Ngân hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Bình ("ABLand") mượn để trả tiền thuê bất động sản làm trụ sở văn phòng của ABLand. Khoản phải thu này không chịu lãi và không có thời hạn thu hồi cụ thể. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này.
- (vi) Đây là khoản tiền đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Dược Viễn Đông ("DVD") mà Ngân hàng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình ("ABS") vào đợt phát hành cổ phần lần thứ 2 của DVD trong năm 2010 nhưng không thành công. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, ABS vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền này. Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng 100% theo quy định của Thông tư 48.

### 17.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Lãi phải thu từ cho vay bằng VND	404.853	282.208
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	351.388	338.276
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	111.381	101.515
Phí, lãi phải thu từ giao dịch hoán đổi	78.019	37.514
Phí, lãi phải thu từ giao dịch kỳ hạn	25.797	9.148
Lãi phải thu từ hợp đồng góp vốn đầu tư	3.288	2.483
Lãi phải thu từ cho vay bằng ngoại tệ	1.898	1.811
Lãi phải thu tiền gửi bằng ngoại tệ	1.410	321
Lãi phải thu tiền gửi bằng VND	781	3.683
	<b>978.815</b>	<b>776.959</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

### 17.3 Tài sản Có khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Tài sản gán nợ chờ xử lý (i)	596.967	596.967
Chi phí trả trước và chờ phân bổ (ii)	466.874	509.339
Ủy thác đầu tư (iii)	230.000	280.000
Tài sản Có khác	6.404	6.402
	<b>1.300.245</b>	<b>1.392.708</b>

(i) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gán nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng và các công ty con xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

(ii) Chi phí trả trước và chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ trả trước, chi phí thuê tài sản, thuê đường truyền dữ liệu, chi phí bảo trì và sửa chữa tài sản. Chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	345.182	355.230
Chi phí trả lãi trước liên quan đến hợp đồng hoán đổi lãi suất	26.702	38.488
Chi phí trả lãi trước các hợp đồng tiền gửi	2.147	3.460
Chi phí trả trước khác	92.843	112.161
	<b>466.874</b>	<b>509.339</b>

(iii) Các khoản ủy thác đầu tư bao gồm:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Góp vốn đầu tư với Geleximco (*)	30.000	80.000
Góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Tân Hoàng Cầu (**)	200.000	200.000
	<b>230.000</b>	<b>280.000</b>

(\*) Đây là khoản góp vốn đầu tư với Geleximco nhằm khai thác và xây dựng khu C thuộc Dự án Khu đô thị Lê Trọng Tấn. Trong năm 2021, khoản góp vốn đầu tư này được hưởng lãi suất 9,60%/năm (Năm 2020: từ 9,60%/năm đến 10,70%/năm), lãi trả hàng năm và đến hạn vào ngày 12 tháng 9 năm 2022.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn đầu tư với Công ty Cổ phần Tân Hoàng Cầu để xây dựng dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà văn phòng tại Số 36, Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội. Trong năm 2021, khoản góp vốn đầu tư này được hưởng lãi suất từ 10,00%/năm đến 10,80%/năm (Năm 2020: từ 10%/năm đến 10,80%/năm), lãi trả 6 tháng/lần. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày 28 tháng 6 và ngày 28 tháng 12 hàng năm.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

### 17.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu, tạm ứng quá hạn.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro khác	<b>204.542</b>	<b>204.694</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
Số đầu kỳ	204.694	175.771
Hoàn nhập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng	(152)	(153)
Hoàn nhập dự phòng tài sản khác	-	(100)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>204.542</b>	<b>175.518</b>

## 18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

### 18.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>35.164</b>	<b>27.384</b>
Bằng VND	34.950	27.199
Bằng ngoại tệ	214	185
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>27.948.370</b>	<b>22.877.100</b>
Bằng VND	22.999.500	22.877.100
Bằng ngoại tệ	4.948.870	-
	<b>27.983.534</b>	<b>22.904.484</b>

Mức lãi suất năm các khoản tiền gửi của các TCTD khác vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,10 - 1,74	0,15 - 1,05
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10 - 0,35	Không áp dụng

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

### 18.2 Vay các TCTD khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Vay các TCTD trong nước bằng VND	159.572	1.748.320
Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu	-	1.580.458
Vay các TCTD trong nước và ngoài nước bằng ngoại tệ	1.270.629	1.849.897
	<b>1.430.201</b>	<b>3.598.217</b>

Mức lãi suất năm các khoản tiền vay các TCTD khác vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Bằng VND	4,18 - 4,70	0,17 - 5,00
Bằng ngoại tệ	0,54 - 3,19	1,34 - 3,25

## 19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

### 19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH")</b>	<b>11.363.432</b>	<b>12.498.186</b>
Tiền gửi KKH bằng VND	10.723.457	11.911.176
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	638.635	585.699
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	164	193
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	1.176	1.118
<b>Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH")</b>	<b>54.580.336</b>	<b>59.138.174</b>
Tiền gửi CKH bằng VND	25.050.605	25.872.142
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	111.889	120.094
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	28.855.909	32.397.246
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	561.933	748.692
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>868.716</b>	<b>484.192</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	17.977	19.234
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	850.739	464.958
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>324.096</b>	<b>387.671</b>
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	315.572	374.754
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	8.524	12.917
	<b>67.136.580</b>	<b>72.508.223</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 19.1 *Thuyết minh theo loại hình tiền gửi* (tiếp theo)

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của khách hàng vào thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,20	0,20
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	0,00	0,00
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi CKH bằng VND	0,20 - 8,30	0,20 - 8,30
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	0,20 - 12,00	0,20 - 12,00
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00

Đối với tiền gửi có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

### 19.2 *Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Hộ kinh doanh, cá nhân	33.070.974	36.182.339
Công ty cổ phần khác	14.600.214	12.822.018
Công ty TNHH khác	10.016.966	8.717.734
Công ty nhà nước	4.882.022	10.263.347
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.242.232	1.517.921
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc nhà nước giữ quyền chi phối	831.681	1.032.419
Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	447.666	137.932
Công ty Cổ phần Nhà nước	360.942	278.120
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	271.685	224.206
Doanh nghiệp tư nhân	114.936	14.046
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	22.810	35.381
Khác	1.274.452	1.282.760
	<b>67.136.580</b>	<b>72.508.223</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bằng VND (i)	132.176	167.949
Bằng ngoại tệ (ii)	613.752	769.803
	<b>745.928</b>	<b>937.752</b>

- (i) Số dư bằng VND thể hiện khoản vốn nhận từ NHNN với mục đích hỗ trợ cho vay các doanh nghiệp mở rộng đầu tư xây dựng cơ bản. Nguồn vốn này có hạn gốc từ 36 tháng đến 120 tháng, chịu mức lãi suất 3,91%/năm (2020: 4,18%/năm).
- (ii) Số dư bằng ngoại tệ thể hiện khoản vốn nhận từ hai tổ chức là DEG - Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft mbH (Trực thuộc Ngân hàng Tái thiết Đức) và Norfund - The Norwegian Investment Fund for Developing Countries (Quỹ đầu tư hỗ trợ các nước đang phát triển của Na Uy) với mục đích hỗ trợ cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ do nữ doanh nhân làm chủ. Nguồn vốn này có kỳ hạn gốc 60 tháng, chịu mức lãi suất 3,25%/năm (2020: từ 3,42%/năm đến 3,43%/năm).

## 21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Chứng chỉ tiền gửi bằng VND</b>	<b>5.930</b>	<b>5.205.930</b>
Dưới 12 tháng	-	5.200.000
Từ 5 năm trở lên	5.930	5.930
<b>Trái phiếu thường bằng VND</b>	<b>4.100.000</b>	<b>400.000</b>
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	3.700.000	-
Từ 5 năm trở lên	400.000	400.000
	<b>4.105.930</b>	<b>5.605.930</b>

Mức lãi suất năm của giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 %/năm
<b>Chứng chỉ tiền gửi bằng VND</b>		
Dưới 12 tháng	Không áp dụng	2,80 - 3,00
Từ 5 năm trở lên	7,57 - 8,73	8,73
<b>Trái phiếu thường bằng VND</b>		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	4,00	Không áp dụng
Từ 5 năm trở lên	8,00	8,00

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

### 22.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	628.634	821.491
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	537.214	468.023
Lãi phải trả từ giao dịch hoán đổi	97.862	54.000
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VND	30.977	19.065
Lãi phải trả từ giao dịch kỳ hạn	27.520	22.402
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	5.058	7.701
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bằng ngoại tệ	874	1.227
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	599	3
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư bằng VND	150	63
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	95	167
	<b>1.328.983</b>	<b>1.394.142</b>

### 22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>	<b>56.438</b>	<b>199.393</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	51.068	43.650
Các khoản phải trả công nhân viên	5.370	155.743
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>	<b>503.800</b>	<b>228.752</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	247.879	54.439
Các khoản phải trả khách hàng	146.162	73.197
Các khoản chờ thanh toán	53.182	51.635
Doanh thu chờ phân bổ	32.636	40.968
Tiền thu được từ các khoản bán nợ đã bán	23.217	7.487
Cổ tức phải trả	724	1.026
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>8.441</b>	<b>3.958</b>
Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý	1.108	1.001
Các khoản phải trả khác	7.333	2.957
	<b>568.679</b>	<b>432.103</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

### 22.3 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động tăng/(giảm) của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
Số đầu kỳ	43.650	5.315
Trích lập quỹ trong kỳ	32.923	49.087
Sử dụng quỹ trong kỳ	(25.505)	(1.715)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>51.068</b>	<b>52.687</b>

## 23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	4.847	17.499	(15.800)	6.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.637	238.471	(45.977)	238.131
Các loại thuế khác	3.955	36.157	(36.910)	3.202
	<b>54.439</b>	<b>292.127</b>	<b>(98.687)</b>	<b>247.879</b>

### 23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ hiện hành (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

#### 23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.191.415</b>	<b>594.912</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con	238.283	118.982
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	-	(52)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được trừ	188	4.601
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>238.471</b>	<b>123.531</b>

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	<b>5.713.114</b>	<b>994</b>	<b>198.883</b>	<b>565.338</b>	<b>27.840</b>	<b>19.158</b>	-	<b>2.386.022</b>	<b>8.911.349</b>
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	351	-	-	-	-	(351)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(32.923)	(32.923)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	(307.099)	-	(307.099)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	952.944	952.944
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>5.713.114</b>	<b>994</b>	<b>199.234</b>	<b>565.338</b>	<b>27.840</b>	<b>19.158</b>	<b>(307.099)</b>	<b>3.305.692</b>	<b>9.524.271</b>

#### 24.2 Thành phần cổ đông của Ngân hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu %	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu %
Malayan Banking Berhad	114.265.019	20,00	114.265.019	20,00
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội ("Geleximco")	74.222.415	12,99	74.222.415	12,99
Công ty Tài chính Quốc tế ("IFC")	57.155.477	10,00	57.155.477	10,00
Các cổ đông khác	325.668.444	57,01	325.668.444	57,01
	<b>571.311.355</b>	<b>100,00</b>	<b>571.311.355</b>	<b>100,00</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 24.3 Tình hình cổ phiếu lưu hành của Ngân hàng

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được duyệt	571.311.355	571.311.355
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	571.311.355	571.311.355
- Cổ phiếu phổ thông	571.311.355	571.311.355
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	571.311.355	571.311.355
- Cổ phiếu phổ thông	571.311.355	571.311.355

## 25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ trước được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn với giả thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	952.944	471.381
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng) (*)	-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)</b>	<b>952.944</b>	<b>471.381</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (không bao gồm cổ phiếu quỹ) (cổ phiếu)	571.311.355	571.311.355
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.668	825

(\*) Tại ngày phát hành báo cáo này, Ngân hàng và các công ty con chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại. Ngân hàng cũng không thực hiện điều chỉnh số liệu đầu kỳ cho số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 (32.923 triệu đồng) do không có cơ sở phân bổ cho kỳ 6 tháng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	2.766.096	2.795.756
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	336.559	447.248
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	44.909	42.712
Thu nhập lãi tiền gửi	27.120	44.794
Thu lãi từ hợp đồng góp vốn đầu tư	12.730	14.651
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.528	7.398
	<b>3.193.942</b>	<b>3.352.559</b>

## 27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	1.626.847	2.021.841
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	86.342	141.001
Trả lãi tiền vay	52.180	102.156
	<b>1.765.369</b>	<b>2.264.998</b>

## 28. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>252.452</b>	<b>156.939</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	117.130	83.238
Thu phí tất toán trước hạn khoản vay	35.338	21.481
Thu từ hoạt động bảo hiểm	31.427	15.045
Thu từ dịch vụ tư vấn thể chấp tài sản	10.798	10.023
Thu từ dịch vụ ủy thác và đại lý	3.524	3.169
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	2.182	2.353
Thu khác	52.053	21.630
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(113.337)</b>	<b>(89.970)</b>
Chi dịch vụ thanh toán	(49.656)	(34.974)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(11.407)	(10.237)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(9.982)	(9.687)
Chi về dịch vụ tư vấn	(6.204)	(7.068)
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(4.963)	(2.888)
Chi phí hoa hồng môi giới	(4.498)	(2.076)
Chi khác	(26.627)	(23.040)
	<b>139.115</b>	<b>66.969</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 29. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>620.846</b>	<b>422.987</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	364.453	143.373
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	256.393	279.614
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(189.688)</b>	<b>(188.306)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(27.831)	(13.281)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(161.857)	(175.025)
	<b>431.158</b>	<b>234.681</b>

## 30. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	163.933	4.951
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(11.863)	-
	<b>152.070</b>	<b>4.951</b>

## 31. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	32.543	332.966
Chi phí về mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(4.087)	(87.646)
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(5.363)	6.738
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	(1.763)
	<b>23.093</b>	<b>250.295</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 32. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>168.427</b>	<b>66.138</b>
Thu từ các khoản nợ đã xử lý	141.301	26.381
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	7.180	36.055
Hoàn ứng chi phí hoạt động	5.322	-
Thu nhập từ IFC	4.616	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	924	-
Thu nhập khác	9.084	3.702
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>(24.157)</b>	<b>(18.185)</b>
Lỗ từ hoán đổi lãi suất	(21.037)	(13.731)
Chi công tác xã hội	(780)	(3.213)
Chi thanh lý cho VAMC	-	(740)
Chi phí khác	(2.340)	(501)
	<b>144.270</b>	<b>47.953</b>

## 33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
<b>Chi phí cho nhân viên</b>	<b>386.549</b>	<b>404.669</b>
Chi lương và phụ cấp	330.855	344.815
Các khoản chi đóng góp theo lương	34.854	36.481
Chi ăn ca	15.749	16.781
Chi khác	5.091	6.592
<b>Chi phí về tài sản</b>	<b>248.967</b>	<b>233.795</b>
Chi phí thuê văn phòng	128.973	118.139
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	55.152	52.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.604	45.066
Mua sắm công cụ lao động	17.066	15.365
Chi mua bảo hiểm tài sản	2.172	2.284
<b>Chi phí cho hoạt động khác</b>	<b>161.481</b>	<b>191.565</b>
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	67.197	87.076
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	26.221	25.985
Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	19.664	17.029
Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	13.004	20.661
Chi vật liệu, giấy tờ in	11.958	12.542
Chi bưu phí và điện thoại	4.469	4.399
Công tác phí	4.338	3.445
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác	-	(100)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25)	-
Các khoản chi phí khác	14.655	20.528
	<b>796.997</b>	<b>830.029</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau đây:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Tiền mặt	562.533	579.345
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	935.486	996.258
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.071.688	5.311.239
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	19.287.735	19.483.851
	<b>21.857.442</b>	<b>26.370.693</b>

## 35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 Triệu đồng
<b>I. Tổng số nhân viên trung bình (người)</b>	4.284	4.401
<b>II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)</b>		
1. Tổng quỹ lương	208.908	199.438
2. Tiền thưởng	110.966	122.514
3. Thu nhập khác	20.840	36.481
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	340.714	358.433
5. Tiền lương bình quân tháng (Triệu đồng/người)	8,13	7,55
6. Thu nhập bình quân tháng (Triệu đồng/người)	13,26	13,57

## 36. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP

### 36.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Bất động sản	104.907.986	102.187.813
Hàng tồn kho	703.876	820.229
Động sản	7.212.830	6.351.015
Cổ phiếu và giấy tờ có giá	42.408.173	35.382.248
Tài sản khác	47.366.008	29.853.831
	<b>202.598.873</b>	<b>174.595.136</b>

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 36. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THẾ CHẤP (tiếp theo)

#### 36.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu (tiếp theo)

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Giấy tờ có giá	<u>3.627.898</u>	<u>3.572.390</u>

#### 36.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được đưa đi cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Giấy tờ có giá	<u>-</u>	<u>1.580.458</u>

### 37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và các công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và các công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và các công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng và các công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay, các cam kết mua, bán tiền tệ kỳ hạn và các giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày giao dịch. Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá kỳ hạn xác định tại ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Cam kết giao dịch hối đoái</b>	<b>307.966.822</b>	<b>153.781.044</b>
- Cam kết mua ngoại tệ	67.167.670	20.428.496
- Cam kết bán ngoại tệ	67.143.615	20.403.616
- Cam kết giao dịch hoán đổi	173.655.537	112.948.932
<b>Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng</b>	<b>987.654</b>	<b>763.010</b>
- Thư tín dụng trả ngay	746.089	512.672
- Thư tín dụng trả chậm	241.565	250.338
<b>Cam kết cho vay không hủy ngang</b>	<b>25.257</b>	<b>34.501</b>
<b>Bảo lãnh khác</b>	<b>4.417.272</b>	<b>4.895.559</b>
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	841.674	797.675
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	329.572	609.344
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	196.989	285.787
- Cam kết bảo lãnh khác	3.049.037	3.202.753
<b>Cam kết khác</b>	<b>1.879.489</b>	<b>2.464.767</b>
	<b>315.276.494</b>	<b>161.938.881</b>
Trừ: Tiền ký quỹ	(324.096)	(387.671)
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</b>	<b>314.952.398</b>	<b>161.551.210</b>

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và các công ty con (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng) của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2021</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2020</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn</b>			
CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	1.125.162	1.996.526
	Rút tiền gửi không kỳ hạn	(1.125.104)	(1.994.870)
	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	-	98
	Rút tiền gửi có kỳ hạn	-	(7.879)
	Trả lãi tiền gửi	-	(677)
	Thu nhập từ góp vốn đầu tư	2.675	3.733
	Thu hồi vốp góp đầu tư	50.000	-
Malayan Banking Berhad - Malaysia	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	77.402	58.821
	Rút tiền gửi không kỳ hạn	(61.276)	(57.122)
	ABB gửi tiền không kỳ hạn	(1)	(3.622)
	ABB rút tiền không kỳ hạn		3.142
	Thu lãi tiền gửi	1	16
	Trả lãi tiền gửi	(2)	(653)
	Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.626	2.936
	Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	-	(19)
Công ty Tài chính Quốc tế	Số tiền vay	-	2.127.500
	Số tiền trả nợ	(424.685)	(2.590.500)
	Trả lãi tiền vay	(27.920)	(54.786)
Các công ty liên quan của CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	13.555.662	12.976.258
	Rút tiền gửi không kỳ hạn	(14.231.106)	(12.937.666)
	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	1.412.185	70.765
	Rút tiền gửi có kỳ hạn	(2.129.597)	(40.802)
	Trả lãi tiền gửi	(459)	(5.431)
Thu nhập từ góp vốn đầu tư	10.055	10.918	

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2021</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2020</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Hội đồng Quản trị	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	266.743	74.933
	Rút tiền gửi không kỳ hạn	(262.084)	(73.118)
	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	902	15
	Rút tiền gửi có kỳ hạn	(802)	(210)
	Nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	123.995	28.505
	Rút tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(172.971)	(17.318)
	Trả lãi tiền gửi	(8.441)	(1.184)
	Thù lao và phụ cấp (*)	(18.366)	(18.841)
	Ban Điều hành	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	61.035
Rút tiền gửi không kỳ hạn		(59.564)	(22.277)
Nhận tiền gửi có kỳ hạn		5.675	3.250
Rút tiền gửi có kỳ hạn		(4.087)	(830)
Nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		24	531
Rút tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn		-	(720)
Thu gốc từ cho vay		-	152
Thu lãi từ cho vay		-	3
Trả lãi tiền gửi		(104)	(158)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá		(9)	(8)
Tiền lương và phụ cấp (*)		(14.460)	(15.060)
Ban Kiểm soát	Nhận tiền gửi không kỳ hạn	10.831	12.272
	Rút tiền gửi không kỳ hạn	(10.236)	(12.241)
	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	3.142	1.184
	Rút tiền gửi có kỳ hạn	(2.961)	(554)
	Nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	22	260
	Rút tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(54)	(1.577)
	Trả lãi tiền gửi	(52)	(85)
	Thù lao và phụ cấp (*)	(2.466)	(2.548)

(\*) Ngân hàng thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông. Thu nhập của Ban Điều hành được chi trả theo Quy chế Lương của Ngân hàng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Phải thu/(phải trả)	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn</b>			
CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Tiền gửi	(326)	(269)
	Phải thu tiền bán cổ phiếu ABS	35.855	35.855
	Đặt cọc thuê văn phòng	21.151	21.151
	Vốn góp tại Ngân hàng	(742.224)	(742.224)
	Góp vốn đầu tư	30.000	80.000
	Lãi phải thu từ góp vốn đầu tư	2.344	2.372
	Malayan Banking Berhad - Malaysia	Tiền gửi	(20.956)
Vốn góp tại Ngân hàng Gửi tiền tại Malayan Banking Berhad	(1.142.650)	(1.142.650)	
		2.200	2.199
Công ty Tài chính Quốc tế	Đi vay	(1.265.737)	(1.693.464)
	Lãi dự chi tiền vay	(5.052)	(7.037)
	Vốn góp tại Ngân hàng	(571.555)	(571.555)
Các công ty liên quan của CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	Tiền gửi	(478.953)	(1.871.809)
	Lãi dự chi tiền gửi	(193)	(16.650)
	Góp vốn đầu tư	200.000	200.000
	Lãi phải thu từ góp vốn đầu tư	944	111
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Hội đồng Quản trị	Tiền gửi	(462.397)	(508.029)
	Lãi dự chi tiền gửi	(5.500)	(7.214)
Ban Điều hành	Tiền gửi	(5.585)	(3.972)
	Lãi dự chi tiền gửi	(151)	(149)
Ban Kiểm soát	Tiền gửi	(2.746)	(1.951)
	Lãi dự chi tiền gửi	(20)	(73)

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Trong nước</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Nước ngoài</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	23.601.380	716.041	24.317.421
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.453.347	-	1.453.347
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	148.074.997	-	148.074.997
Cho vay khách hàng - gộp	67.007.322	384	67.007.706
Hoạt động mua nợ - gộp	153.234	-	153.234
Chứng khoán đầu tư - gộp	15.533.763	-	15.533.763
Góp vốn, đầu tư dài hạn	182.884	-	182.884
<b>Công nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	28.147.998	1.265.737	29.413.735
Tiền gửi của khách hàng	66.094.043	1.042.537	67.136.580
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	132.176	613.752	745.928
Phát hành giấy tờ có giá	4.105.930	-	4.105.930
<b>Cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>315.276.494</b>	<b>-</b>	<b>315.276.494</b>

## 40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

### (i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

### (ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### (iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

### (iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

### (v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

### (vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trường phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### (vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### (viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

## 41. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tín cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 41. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

### 41.1 *Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng*

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng</b>		
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	24.317.421	28.459.280
Chứng khoán kinh doanh	40.000	-
Công cụ tài chính phái sinh	117.424	-
Cho vay khách hàng		
- Cho vay khách hàng cá nhân	34.932.336	29.222.971
- Cho vay khách hàng tổ chức	32.075.370	34.070.180
Hoạt động mua nợ	153.234	153.234
Chứng khoán đầu tư		
- Chứng khoán nợ - sẵn sàng để bán	6.570.987	7.537.965
- Chứng khoán nợ - giữ đến ngày đáo hạn	2.337.213	1.897.094
Tài sản tài chính khác	1.697.728	2.558.353
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng</b>		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	4.417.272	4.895.559
Các cam kết trong thư tín dụng	987.654	763.010

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

### 41.2 *Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá*

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 48. Ngân hàng và các công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và các công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

### 41.3 *Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá*

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay khách hàng	<b>164.981</b>	<b>32.460</b>	<b>56.056</b>	<b>263.492</b>	<b>516.989</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 41. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

### 41.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá (tiếp theo)

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và các công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### 42.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN Việt Nam, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và giấy tờ có giá phát hành theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh 6, 7, 10, 18, 19 và 21*.

#### *Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế*

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

- ▶ Tiền mặt; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; các công cụ tài chính phái sinh; góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ ;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi; thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 42.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	Thời hạn định lại lãi suất							Tổng cộng Triệu đồng
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Dưới 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt	-	562.533	-	-	-	-	-	562.533
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	935.486	-	-	-	-	935.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	1.453.347	23.987.321	327.000	1.100	2.000	-	24.317.421
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	-	-	-	-	1.453.347
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	117.424	-	-	-	-	-	117.424
Cho vay khách hàng - gộp	2.493.696	-	-	64.514.010	-	-	-	67.007.706
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	-	153.234	-	-	-	153.234
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	1.463.513	300.000	100.715	1.174.659	2.464.192	4.684.707	15.533.763
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	182.884	-	-	-	-	-	182.884
Tài sản cố định	-	931.656	-	-	-	-	-	931.656
Bất động sản đầu tư	-	69.357	-	-	-	-	-	69.357
Tài sản Có khác - gộp	247.482	2.614.076	-	30.000	-	200.000	-	3.091.558
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.741.178</b>	<b>7.394.790</b>	<b>25.222.807</b>	<b>65.124.959</b>	<b>1.175.759</b>	<b>2.666.192</b>	<b>5.345.977</b>	<b>114.356.369</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	27.991.111	3.964	288	4.118	1.379.525	29.413.735
Tiền gửi của khách hàng	-	-	24.989.872	12.673.908	14.737.897	13.570.460	1.152.895	67.136.580
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	254	874	1.343	4.187	718.572	745.928
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1.030	3.704.900	4.105.930
Các khoản nợ khác	-	1.897.662	-	-	-	-	-	1.897.662
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	<b>1.897.662</b>	<b>52.981.237</b>	<b>12.678.746</b>	<b>14.739.528</b>	<b>13.579.795</b>	<b>6.955.892</b>	<b>103.299.835</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>2.741.178</b>	<b>5.497.128</b>	<b>(27.758.430)</b>	<b>52.446.213</b>	<b>(13.563.769)</b>	<b>(10.913.603)</b>	<b>(1.609.915)</b>	<b>11.056.534</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 42.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các loại ngoại tệ khác. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh 46*.

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 42.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2021:

Tài sản	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền mặt	1.727	28.168	637	30.532
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	10.042	-	10.042
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	174.287	13.717.994	4.033.267	17.925.548
Cho vay khách hàng	46.176	2.491.307	-	2.537.483
Tài sản Có khác	537	52.193	104	52.834
<b>Tổng tài sản</b>	<b>222.727</b>	<b>16.299.704</b>	<b>4.034.008</b>	<b>20.556.439</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	510	6.219.182	21	6.219.713
Tiền gửi của khách hàng	57.328	2.107.631	7.937	2.172.896
Các công cụ tài chính phái sinh	162.289	8.890.605	4.020.326	13.073.220
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	613.752	-	613.752
Các khoản nợ khác	(352)	15.121	1.283	16.052
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>219.775</b>	<b>17.846.291</b>	<b>4.029.567</b>	<b>22.095.633</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>2.952</b>	<b>(1.546.587)</b>	<b>4.441</b>	<b>(1.539.194)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>1.611.261</b>	<b>-</b>	<b>1.611.261</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>2.952</b>	<b>64.674</b>	<b>4.441</b>	<b>72.067</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 42.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các công ty con, đồng thời Ngân hàng và các công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời gian đến hạn của nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần và bất động sản đầu tư được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.



## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 42.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	Quá hạn					Trong hạn					Tổng cộng Triệu đồng	
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng				
<b>Tài sản</b>												
Tiền mặt	-	-	562.533	-	-	-	-	-	-	-	-	562.533
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	935.486	-	-	-	-	-	-	-	-	935.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	23.987.321	327.000	3.100	-	-	-	-	-	-	24.317.421
Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.453.347	-	-	-	-	-	-	-	-	1.453.347
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	67.670	47.310	2.444	-	-	-	-	-	-	117.424
Cho vay khách hàng - góp	1.556.603	937.093	4.184.255	11.333.373	20.349.364	7.246.295	21.400.723	-	-	-	-	67.007.706
Hoạt động mua nợ - góp	-	-	-	-	-	-	153.234	-	-	-	-	153.234
Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	300.000	109.615	3.638.851	6.798.190	4.687.107	-	-	-	-	15.533.763
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	182.884	-	-	-	-	182.884
Tài sản cố định	-	-	-	377	3.502	57.018	870.759	-	-	-	-	931.656
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	69.357	-	-	-	-	69.357
Tài sản Có khác - góp	247.482	-	1.113.951	49.628	948.866	414.198	317.433	-	-	-	-	3.091.558
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.804.085</b>	<b>937.093</b>	<b>32.604.563</b>	<b>11.867.303</b>	<b>24.946.127</b>	<b>14.515.701</b>	<b>27.681.497</b>	<b>114.356.369</b>				
<b>Nợ phải trả</b>												
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	27.991.111	3.964	4.406	1.379.525	34.729	-	-	-	-	29.413.735
Tiền gửi của khách hàng	-	-	25.090.864	12.572.916	28.308.357	1.152.895	11.548	-	-	-	-	67.136.580
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	254	874	5.530	718.572	20.698	-	-	-	-	745.928
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.030	3.704.900	400.000	-	-	-	-	4.105.930
Các khoản nợ khác	-	-	1.897.662	-	-	-	-	-	-	-	-	1.897.662
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>54.979.891</b>	<b>12.577.754</b>	<b>28.319.323</b>	<b>6.955.892</b>	<b>466.975</b>	<b>103.299.835</b>				
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>1.804.085</b>	<b>937.093</b>	<b>(22.375.328)</b>	<b>(710.451)</b>	<b>(3.373.196)</b>	<b>7.559.809</b>	<b>27.214.522</b>	<b>11.056.534</b>				

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 42.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

## 43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>
<b>Các cam kết thuê hoạt động</b>	<b>700.868</b>	<b>780.453</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	165.175	176.082
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	432.802	486.584
- Đến hạn sau 5 năm	102.891	117.787

## 44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành một trong các loại sau:

- ▶ *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- ▶ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Tài sản tài chính* (tiếp theo)

#### ► *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản giấy tờ có giá phát hành; các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành:

#### ► *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ► *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

### *Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### *Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính*

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

### 44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2021:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản khác và nợ tài chính hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền mặt	-	-	-	-	562.533	562.533	562.533
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	935.486	935.486	935.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	3.952.898	-	20.364.523	24.317.421	(*)
Chứng khoán kinh doanh	1.453.141	-	-	-	-	1.453.141	(*)
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	117.424	-	-	-	-	117.424	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	66.143.943	-	-	66.143.943	(*)
Hoạt động mua nợ	-	-	152.085	-	-	152.085	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	1.986.791	-	13.100.998	-	15.087.789	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	166.255	-	166.255	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	1.697.728	1.697.728	(*)
	<b>1.570.565</b>	<b>1.986.791</b>	<b>70.248.926</b>	<b>13.267.253</b>	<b>23.560.270</b>	<b>110.633.805</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	29.413.735	29.413.735	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	67.136.580	67.136.580	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	745.928	745.928	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.105.930	4.105.930	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	1.560.709	1.560.709	(*)
	-	-	-	-	<b>102.962.882</b>	<b>102.962.882</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

# Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a/TCTD-HN

## 45. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con.

## 46. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 Đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Đồng
USD	23.018	23.095
EUR	27.364	28.415
GBP	31.811	31.500
JPY	208,81	223,92
AUD	17.271	17.782
CAD	18.548	18.047
NZD	16.072	16.692
SGD	17.117	17.469
CHF	26.562	26.205
HKD	2.965	2.980

Người lập



Ông Nguyễn Công Anh  
Trưởng phòng  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát



Ông Phạm Thanh Tùng  
Phó Giám đốc Khối Kế toán

Người phê duyệt



Ông Lê Hải  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2021